


Bộ chữ Hàn Hangeul do vua Sejong vương triều Chosun tạo ra vào năm 1443. Trước đó, ở Triều Tiên sử dụng Hán tự, loại chữ viết của Trung Quốc để ghi lại tiếng Triều Tiên. Tuy nhiên, Hán tự quá khó đối với những người dân thường. Vì vậy, vua Sejong đã tạo ra bộ chữ Hangeul để tất cả người dân đều có thể sử dụng dễ dàng.

(1) Các chữ ghi lại nguyên âm được tạo ra như thế này.




Bầu trời hình tròn : ●	Trời
Người đang đứng :	Người
Mặt đất bằng phẳng : —	Đất

+ ● =	ㅏ [a]
+ ●● =	ㅑ [ja]
● + — =	ㅓ [o]
●● + — =	ㅕ [jo]

Nguyên âm được tạo ra dựa trên ba nguyên âm chính, mô phỏng hình dạng của trời (●), đất (—) và người (|). Các nguyên âm còn lại cũng được tạo ra bằng cách kết hợp các nguyên âm cơ bản với nhau.

(2) Các chữ ghi lại phụ âm được tạo ra như thế này.

		Các phụ âm cơ bản ‘ㄱ, ㄴ, ㄷ, ㄹ, ㅁ, ㅂ, ㅅ, ㅇ’ được tạo ra bằng cách mô phỏng hình dạng của các cơ quan sử dụng khi phát âm.
ㄱ [k/g]	→ ㅋ [kʰ]	Thêm một nét vào những âm này, ta sẽ tạo ra được các âm mạnh hơn là ㅋ, ㆁ, ㆁ, ㆁ.
ㄷ [t/d]	→ ㅌ [tʰ]	
ㅂ [p/b]	→ ㅃ [pʰ]	
ㅅ [ts/dz]	→ ㅆ [tsʰ]	
ㄱ [k/g]	→ ㆁ [kʰ]	Thêm một âm tương tự vào các âm này, ta sẽ tạo ra được các âm biểu thị độ căng là ㆁ, ㆁ, ㆁ, ㆁ.
ㄷ [t/d]	→ ㆁ [tʰ]	
ㅂ [p/b]	→ ㆁ [pʰ]	
ㅅ [s]	→ ㆁ [sʰ]	
ㅆ [ts/dz]	→ ㆁ [tsʰ]	

(3) Có thể tạo ra âm tiết bằng cách này.

①	Nguyên âm	N	아, 오
②	Phụ âm + Nguyên âm	PN	가
	Phụ âm + Nguyên âm	P N	구
③	Nguyên âm + Phụ âm	N P	안, 운
	Phụ âm + Nguyên âm + Phụ âm	PN P	강
④	Phụ âm + Nguyên âm + Phụ âm	P N P	곰

2 모음 1 Nguyên âm 1

🔊 K-2

Tiếng Hàn có tất cả 21 nguyên âm. Có hai loại nguyên âm là nguyên âm có nét sổ thẳng (ㅣ, ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ) và nguyên âm có nét xuyên ngang (ㅡ, ㅜ, ㅠ, ㅗ, ㅛ).

1. Phát âm nguyên âm



Bây giờ, chúng ta cùng học về cách phát âm các nguyên âm của tiếng Hàn nhé. Trước hết, các bạn hãy chuẩn bị một chiếc gương. Hãy nghe cách đọc các nguyên âm rồi vừa nhìn vào gương vừa đọc theo hình của khuôn miệng như trong hình.

Nguyên âm có nét sổ thẳng		Nguyên âm có nét xuyên ngang	
ㅣ [i]		ㅡ [u]	
ㅏ [a]		ㅜ [o]	
ㅑ [ja]		ㅠ [jo]	
ㅓ [ʌ]		ㅗ [u]	
ㅕ [jʌ]		ㅛ [ju]	



Chúng ta luyện tập lại một lần nữa nhé?

- (1) Các bạn hãy thử phát âm ‘ㅏ’. Sau đó hãy thử phát âm ‘ㅑ’. Khẩu hình khi phát âm ‘ㅏ’ và ‘ㅑ’ khác nhau như thế nào? Khi phát âm ‘ㅏ’, phải mở miệng to hơn. Các bạn hãy chú ý khẩu hình của mình và luyện phát âm ‘ㅏ’ và ‘ㅑ’ nhé.



- (2) Các bạn hãy thử phát âm ‘ㅜ’. Sau đó hãy thử phát âm ‘ㅡ’. Khẩu hình khi phát âm ‘ㅜ’ và ‘ㅡ’ khác nhau như thế nào? Khi phát âm ‘ㅜ’, môi phải đưa về phía trước, còn khi phát âm ‘ㅡ’ môi phải tròn. Các bạn hãy chú ý khẩu hình của mình và lần lượt luyện phát âm ‘ㅜ’ và ‘ㅡ’ nhé.



- (3) Các bạn hãy thử phát âm ‘ㅣ’. Sau đó hãy thử phát âm ‘ㅓ’. Khẩu hình khi phát âm ‘ㅣ’ và ‘ㅓ’ khác nhau như thế nào? Khi phát âm ‘ㅣ’, lưỡi sẽ đưa ra phía trước nhiều hơn khi phát âm ‘ㅓ’. Khi phát âm ‘ㅓ’ lưỡi không cần đẩy nhiều về phía trước, không cần tròn môi và không cần mở rộng miệng. Các bạn chỉ cần mở nhẹ miệng một cách tự nhiên để không khí có thể thoát ra rồi phát âm là được. Các bạn hãy chú ý khẩu hình của mình và lần lượt luyện phát âm ‘ㅣ’ và ‘ㅓ’ nhé.





Bây giờ, chúng ta sẽ luyện tập các nguyên âm đôi do hai nguyên âm kết hợp lại nhé. Trong các nguyên âm có nét sổ thẳng, nguyên âm đôi là các nguyên âm có hai nét xuyên ngang ngắn như ‘ㅏ, ㅑ’. Còn trong các nguyên âm có nét xuyên ngang, nguyên âm đôi là các nguyên âm có hai nét sổ thẳng ngắn như ‘ㅓ, ㅕ’.

(1) Hãy thử phát âm ‘ㅏ’. Sau đó hãy thử phát âm ‘ㅑ’.

Khi phát âm ‘ㅏ’, hãy phát âm ‘ㅣ’ ngắn, còn âm ‘ㅑ’ thì kéo dài. Khi phát âm ‘ㅑ’, hãy phát âm ‘ㅣ’ ngắn, còn âm ‘ㅑ’ thì kéo dài. Lúc này, ta không được phát âm hai nguyên âm thành hai nguyên âm đơn có độ dài bằng nhau.

ㅏ [ja]	 [i] + [a]	ㅑ [jʌ]	 [i] + [ʌ]
-----------	---------------	-----------	---------------

(2) Hãy thử phát âm ‘ㅓ’. Sau đó hãy thử phát âm ‘ㅕ’.

Khi phát âm ‘ㅓ’, hãy phát âm ‘ㅣ’ ngắn, còn âm ‘ㅕ’ thì kéo dài.

Khi phát âm ‘ㅕ’, hãy phát âm ‘ㅣ’ ngắn, còn âm ‘ㅕ’ thì kéo dài. Lúc này, ta không được phát âm hai nguyên âm thành hai nguyên âm đơn có độ dài bằng nhau.

ㅓ [jo]	 [i] + [o]	ㅕ [ju]	 [i] + [u]
-----------	---------------	-----------	---------------

2. Cách viết các nguyên âm



Vậy các nguyên âm này được viết như thế nào? Khi viết các nguyên âm có nét sổ thẳng, các bạn phải viết từ trên xuống dưới, còn khi viết các nguyên âm có nét xuyên ngang, các bạn phải viết từ trái qua phải.

Nguyên âm có nét sổ thẳng			Nguyên âm có nét xuyên ngang		
ㅣ [i]	 (○)	 (X)	— [u]	 (○)	 (X)



Nào, bây giờ chúng ta thử viết nhé? Khi viết các nguyên âm có nét sổ thẳng giống như một người đang đứng thì các bạn phải viết dài theo chiều dọc. Còn khi viết các nguyên âm có nét xuyên ngang giống như mặt đất bằng phẳng thì các bạn phải viết kéo dài theo chiều ngang. Các bạn hãy nghe, rồi vừa đọc theo vừa viết ra nhé.

Nguyên âm	Thứ tự	Chữ viết					
ㅣ [i]	↓ ^①						
ㅏ [a]	↓ ^① → ^②						
ㅑ [ja]	↓ ^① → ^② → ^③						
ㅓ [ʌ]	→ ^① ↓ ^②						
ㅕ [jʌ]	→ ^① → ^② ↓ ^③						
ㅡ [ɯ]	→ ^①						
ㅜ [o]	↓ ^① → ^②						
ㅠ [jo]	↓ ^① ↓ ^② → ^③						
ㅜ [u]	→ ^① ↓ ^②						
ㅠ [ju]	→ ^① ↓ ^② ↓ ^③						



Các bạn đã viết xong hết rồi chứ? Bây giờ, các bạn hãy nghe lại một lần nữa các nguyên âm này rồi tập đọc theo nhé.

Trong một chữ viết, luôn luôn có phụ âm và nguyên âm cùng xuất hiện. Vì vậy nếu không có phụ âm đầu, các bạn hãy viết ‘ㅇ’ để biểu thị không có âm thanh phát ra. Với các nguyên âm có nét sổ thẳng, các bạn viết ‘ㅇ’ ở bên trái, còn với các nguyên âm có nét xuyên ngang, các bạn viết ‘ㅇ’ ở phía trên.



Các bạn hãy nghe rồi vừa đọc theo vừa tập viết.

Nguyên âm	Phát âm	Chữ viết					
ㅣ	[i]	이	이	이			
ㅏ	[a]	아	아	아			
ㅑ	[ja]	야	야	야			
ㅓ	[ʌ]	어	어	어			
ㅕ	[jʌ]	여	여	여			
ㅡ	[ɯ]	우	우	우			
ㅜ	[o]	오	오	오			
ㅠ	[jo]	요	요	요			
ㅗ	[u]	우	우	우			
ㅠ	[ju]	유	유	유			



연습 Luyện tập

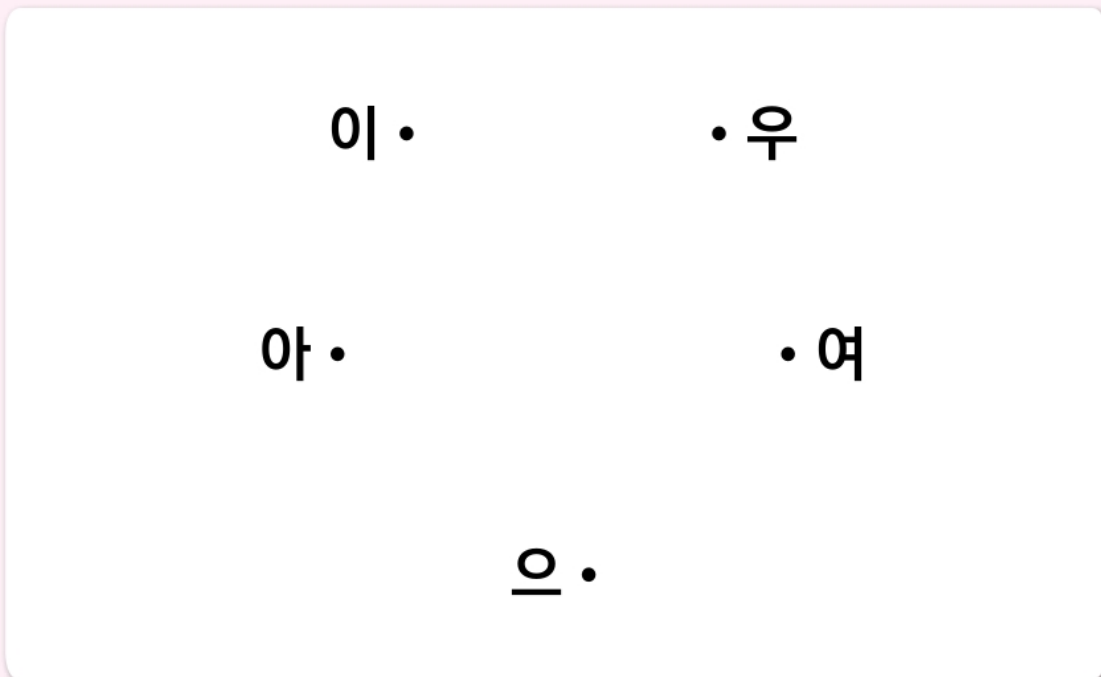
1. Các bạn hãy tập phát âm các nguyên âm dưới đây. Các bạn đã thực hiện xong rồi chứ? Vậy thì bây giờ hãy nghe CD và kiểm tra xem mình phát âm có đúng hay không nhé. Với các nguyên âm phát âm sai, các bạn hãy nghe lại một lần nữa rồi luyện đọc theo nhé.

- (1) 아 어 오 우 으 (2) 오 아 어 우 이
(3) 야 여 요 유 (4) 요 야 여 유

2. Hãy nghe và chọn từ đúng.

- (1) 아 오 (2) 우 으 (3) 어 오
(4) 야 아 (5) 오 요 (6) 여 유

3. Các bạn hãy nghe và nói các chữ theo thứ tự đã nghe nhé. Chúng ta được bức tranh như thế nào vậy?



정답 2. (1) 아 (2) 우 (3) 오 (4) 야 (5) 요 (6) 유 3. ☆

4. Các bạn hãy nghe và viết lại bằng tiếng Hàn.

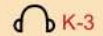
(1)				
(2)				
(3)				
(4)				
(5)				
(6)				



Các bạn đã viết xong chưa? Sau đó, các bạn hãy vừa phát âm vừa viết thêm ba lần nữa nhé.

정답 (1) 이 (2) 오 (3) 아이 (4) 오이 (5) 우유 (6) 여우

3 모음 2 Nguyên âm 2



Bây giờ chúng ta cùng học các nguyên âm khác nữa nhé. Các bạn hãy nghe CD và tập đọc theo.

ㅏ [ɛ]	ㅏ + ㅣ	ㅘ [wa]	ㅘ + ㅏ	ㅙ [wɛ]	ㅘ + ㅏ
ㅓ [e]	ㅓ + ㅣ	ㅜ [wʌ]	ㅜ + ㅓ	ㅠ [we]	ㅜ + ㅓ
ㅛ [jɛ]	ㅛ + ㅣ	ㅠ [y/wi]	ㅠ + ㅣ	ㅡ [wi]	ㅡ + ㅣ
ㅟ [je]	ㅟ + ㅣ	ㅢ [ø/we]	ㅢ + ㅣ		

Trong số các nguyên âm có nét sổ thẳng, các nguyên âm bao gồm 2 nét ngang ngắn như ‘ㅏ, ㅓ’, các nguyên âm có cả nét sổ thẳng và xuyên ngang như ‘ㅘ, ㅜ’ được gọi là các nguyên âm đôi.



Chúng ta cùng luyện tập lại một lần nữa nhé?

(1) Các bạn hãy thử phát âm ‘ㅏ’ và ‘ㅓ’. Chúng rất giống nhau phải không?

Hai âm này vốn được phát âm khác nhau nhưng ngày nay chúng đã được phát âm gần giống nhau nên rất khó để phân biệt hai âm này. Tuy nhiên, các bạn cũng đừng quá lo lắng vì không phân biệt được chúng. Bởi vì rất nhiều người Hàn Quốc cũng không phân biệt được.

ㅏ
[ɛ]

ㅓ
[e]

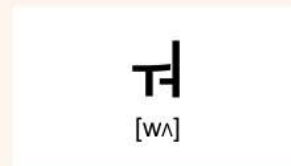
(2) Bạn hãy thử phát âm ‘ㅈ’ và ‘ㅉ’. Cả hai nguyên âm này đều là nguyên âm đôi có nét sổ thẳng với hai nét ngang ngắn. Hai âm này cũng được phát âm tương tự nhau nên rất khó để phân biệt hai âm này. Tuy nhiên, các bạn cũng đừng quá lo lắng vì không phân biệt được chúng. Bởi vì cũng giống như trường hợp của ‘ㅈ, ㅉ’, rất nhiều người Hàn Quốc cũng không phân biệt được hai âm này.



(3) Các bạn hãy thử phát âm các nguyên âm ‘ㅊ’ và ‘ㅑ’, ‘ㅒ’. Ba âm này đều được phát âm giống nhau. Cả ba nguyên âm này đều là nguyên âm đôi có chứa nguyên âm có nét sổ thẳng và nguyên âm có nét xuyên ngang.



(4) Các bạn hãy thử phát âm âm ‘ㅓ’. Sau đó hãy thử phát âm âm ‘ㅕ’. Các bạn hãy lần lượt phát âm cả hai nguyên âm này. Đây đều là các nguyên âm đôi có chứa nguyên âm có nét sổ thẳng và nguyên âm có nét xuyên ngang.



(5) Các bạn hãy lần lượt tập phát âm ‘ㅖ’ và ‘ㅗ’. Cả hai nguyên âm này đều là nguyên âm đôi chứa nguyên âm có nét sổ thẳng và nguyên âm có nét xuyên ngang.



(6) Các bạn hãy tập đọc một lần nữa nguyên âm ‘ㅛ’. Hãy phát âm ‘ㅛ’ kéo dài và đọc nhanh âm ‘ㅛ’. Cả hai nguyên âm này đều là nguyên âm đôi chứa nguyên âm có nét sổ thẳng và nguyên âm có nét xuyên ngang.





Bây giờ các bạn hãy thử tập viết nhé. Hãy nghe CD rồi vừa đọc theo vừa viết.

Nguyên âm	Thứ tự	Chữ viết					
ㅏ [ε]							
ㅑ [jε]							
ㅓ [jε]							
ㅕ [je]							
ㅗ [je]							
ㅛ [je]							
ㅜ [wε]							
ㅠ [ø/we]							
ㅡ [wΛ]							
ㅝ [we]							
ㅞ [y/wi]							
ㅟ [wi]							



Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ, các bạn hãy nghe lại các nguyên âm một lần nữa và tập phát âm theo nhé. Các bạn hãy chú ý, đừng viết giống như dưới đây nhé.

ㅏ (○)

ㅑ (○)

ㅓ (○)

ㅕ (○)

ㅏ (X)

ㅑ (X)

ㅓ (X)

ㅕ (X)

Trong một chữ, nguyên âm và phụ âm luôn luôn xuất hiện cùng nhau. Vì vậy nếu không có phụ âm đầu tiên thì các bạn hãy kí hiệu bằng '○' để biểu thị không có âm thanh. Với các nguyên âm có nét sổ thẳng, các bạn viết '○' ở bên trái. Còn các nguyên âm có nét xuyên ngang, các bạn viết '○' ở bên trên.

Nguyên âm	Phát âm	Chữ viết					
ㅐ	[ɛ]	애	애	애			
ㅑ	[e]	에	에	에			
ㅒ	[jɛ]	애	애	애			
ㅓ	[je]	예	예	예			
ㅕ	[wa]	와	와	와			
ㅖ	[wʌ]	워	워	워			
ㅗ	[y/wi]	위	위	위			
ㅛ	[ø/we]	외	외	외			
ㅜ	[wɛ]	왜	왜	왜			
ㅠ	[we]	웨	웨	웨			
ㅡ	[wi]	의	의	의			



Các bạn đã viết xong hết rồi chứ? Bây giờ, các bạn hãy nghe lại một lần nữa các nguyên âm này rồi tập đọc theo nhé.



연습 Luyện tập

1. Các bạn hãy lần lượt đọc phát âm của các nguyên âm dưới đây. Các bạn đã đọc xong rồi chứ? Bây giờ hãy nghe CD và khoanh tròn vào phát âm đúng. Hãy chú ý đến các phát âm sai, nghe lại một lần nữa và tập đọc theo.

- (1) 애 예 와 워 (2) 위 의 와 워
 (3) 워 예 예 의 (4) 왜 와 에 예

2. Hãy nghe và chọn âm đúng.

- (1) 애 예 (2) 워 워
 (3) 위 의 (4) 와 왜

3. Hãy nghe và nói các chữ theo thứ tự.
 Các bạn có được bức tranh gì vậy?

아이	애
와	워
여우	의
왜	우유
오이	

정답 2. (1) 애 (2) 워 (3) 위 (4) 와 3. ☆ (위 → 여우 → 에 → 의 → 와 → 오이 → 워)

4. Các bạn hãy nghe và viết lại bằng tiếng Hàn.

(1)				
(2)				
(3)				
(4)				
(5)				
(6)				



Các bạn đã viết xong rồi chứ? Bây giờ hãy phát âm và viết lại thêm ba lần nữa.

정답 (1) 예 (2) 와 (3) 왜 (4) 와요 (5) 위에 (6) 외워요